

Số: 282/2018/QĐST-HNGĐ

Rạch Giá, ngày 19 tháng 6 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 127/2018/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018 giữa:

*** Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim M, sinh năm 1976**

Địa chỉ: Số 94/34A đường D, phường H, thành phố G, Kiên Giang.

*** Bị đơn: Anh Đỗ Minh B, sinh năm 1975**

Địa chỉ: Số 94/34A đường D, phường H, thành phố G, Kiên Giang.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 6 năm 2018.

XÉT THẤY

- Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 6 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội.

- Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đỗ Minh B và chị Trần Thị Kim M.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Anh Đỗ Minh B và bà Trần Thị Kim M xác định có 02 người con chung tên Đỗ Thị Kiều T, sinh ngày 02/04/1997 (đã trưởng thành) và

Đỗ Thị Kiều N, sinh ngày 20/03/2003. Anh B, chị M thỏa thuận thống nhất giao cháu N cho chị M tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Mặc khác, theo nguyện vọng của cháu N cũng mong muốn được sống với mẹ (được thể hiện tại bản ghi ý kiến ngày 23/4/2018). Chị M không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Anh B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Có một căn nhà và đất tọa lạc tại Số 94/34A đường D, phường H, thành phố G, Kiên Giang hiện do bà M đứng tên. Anh B, chị M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung : Anh B, chị M xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn: Mỗi bên phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*). Chị M đã tự nguyện nộp thay cho anh B 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*). Chị M đã tạm nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003944 ngày 21/03/2018 tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố G, nên chị M được khấu trừ. Chị M được hoàn trả 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, lệ phí còn thừa.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS Nhân dân TP. G;
- Chi cục T.H.A TP. G;
- Các đương sự;

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Thùy Linh